

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: NGHIỆP VỤ HỘ TỊCH, CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC

NGÀNH: DỊCH VỤ PHÁP LÝ

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1372/QĐ-CDKTKTĐB ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên)

Điện Biên, năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình trên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Dịch vụ pháp lý đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội. Xã hội ngày càng phát triển thì đòi hỏi con người có kiến thức về pháp luật ngày càng cao. Tất cả mọi hành vi ứng xử của con người đều được đo bằng hành vi phù hợp hay không phù hợp với pháp luật.

Môn học nghiệp vụ hộ tịch, công chứng, chứng thực là môn học trong các môn thuộc chương trình đào tạo dịch vụ pháp lý. Thông qua môn học này giúp người học có kiến thức cơ bản về hộ tịch, quản lý nhà nước về hộ tịch; kiến thức về công chức, chứng thực và quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực hiện nay. Cũng thông qua đó, trang bị cho người học những kỹ năng thực hành thành thạo về các biểu mẫu hộ tịch, sổ hộ tịch, thực hành thành thạo phần mềm điện tử về hộ tịch; thực hành chứng thực và công chứng các giấy tờ, các hợp đồng, chữ ký trong giao dịch dân sự.

Đây là những kiến thức cơ bản không những giúp cho người học nắm chức nội dung cơ bản của pháp luật về hộ tịch, công chứng, chứng thực mà còn có ý nghĩa quan trọng cho người học thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý trong đời sống xã hội thông qua các hoạt động về nghiệp vụ hộ tịch, các quyền khi thực hiện công chứng, chứng thực của mình.

Điện Biên, ngày tháng năm

Người biên soạn

ThS. Đào Thị Liên

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên môn học/mô đun: NGHIỆP VỤ HỘ TỊCH, CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC

Mã môn học/mô đun: 6380201

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

- Vị trí: Là môn học chuyên ngành trong ngành học Dịch vụ pháp lý
- Tính chất: Là môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản và quan trọng trong hoạt động về hộ tịch, công chứng, chứng thực
- Ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun: Giúp cho sinh viên nắm chắc kiến thức về hộ tịch, công chứng, chứng thực. Bên cạnh đó giúp sinh viên thực hành thành thạo các kỹ năng về hộ tịch, công chứng, chứng thực.

Mục tiêu của môn học/mô đun:

- Về kiến thức:
 - + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hộ tịch
 - + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Công chứng
 - + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Chứng thực
- Về kỹ năng:
 - + Giúp sinh viên thực hành các kỹ năng về ghi chép vào các biểu mẫu Hộ tịch, sổ hộ tịch
 - + Giúp sinh viên thực hành các kỹ năng về Công chứng (công chứng các hợp đồng, các giấy tờ)
 - + Giúp sinh viên thực hành các kỹ năng về Chứng thực (các bản sao, chữ ký, hợp đồng)
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Giúp sinh viên rèn luyện tính tự giác trong quá trình học tập
 - + Giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng thực hành

Nội dung của môn học/mô đun:

Chương I: Những quy định chung về quản lý hộ tịch

I. KHÁI NIỆM

1. Khái niệm hộ tịch

- Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến khi chết.

2. Khái niệm đăng ký hộ tịch

- Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở Pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘ TỊCH VÀ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH

1. Nguyên tắc đăng ký hộ tịch

- Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân;
- Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác;
- Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với những việc hộ tịch mà Luật này không quy định thời hạn giải quyết thì được giải quyết ngay trong ngày; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- Mọi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định;

- Mọi sự kiện hộ tịch sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bảo đảm công khai, minh bạch

2. Quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân

- Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch;

- Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch;

- Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.

3. Thẩm quyền đăng ký hộ tịch

- Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

+ Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Khai tử;

+ Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung thông tin hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;

+ Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác theo quy định của pháp luật.

+ Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt Nam; kết hôn, nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam; khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định lâu dài tại khu vực biên giới của Việt Nam.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký hộ tịch trong các trường hợp sau:

+ Đăng ký sự kiện hộ tịch: Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; Khai tử, có yếu tố nước ngoài;

+ Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc;

+ Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Cơ quan đại diện đăng ký các việc hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

4. Lệ phí hộ tịch

- Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau:

+ Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;

+ Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

- Cá nhân yêu cầu đăng ký sự kiện hộ tịch khác ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí.

Bộ Tài chính quy định chi tiết thẩm quyền thu, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch.

5. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Nghiêm cấm cá nhân thực hiện các hành vi sau đây:
 - + Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; làm hoặc sử dụng giấy tờ giả, giấy tờ của người khác để đăng ký hộ tịch;
 - + Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch;
 - + Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đăng ký hộ tịch;
 - + Cam đoan, làm chứng sai sự thật để đăng ký hộ tịch;
 - + Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch;
 - + Đưa hối lộ, mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch;
 - + Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm động cơ vụ lợi, hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc trục lợi dưới bất kỳ hình thức nào;
 - + Người có thẩm quyền quyết định đăng ký hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho bản thân hoặc người thân thích theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình;
 - + Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.
- Giấy tờ hộ tịch được cấp cho trường hợp đăng ký hộ tịch vi phạm quy định tại các điểm a, d, đ, g và h khoản 1 Điều này đều không có giá trị và phải thu hồi, huỷ bỏ.
- Cá nhân thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cán bộ, công chức vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này, ngoài bị xử lý như trên còn bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức.

III. CÔNG CHỨC TƯ PHÁP HỘ TỊCH

1. Tiêu chuẩn

- Công chức làm công tác hộ tịch bao gồm công chức tư pháp - hộ tịch ở cấp xã; công chức làm công tác hộ tịch ở Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện.

- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- + Có trình độ từ trung cấp luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch;
- + Có chữ viết rõ ràng và trình độ tin học phù hợp theo yêu cầu công việc.

Căn cứ điều kiện thực tế về diện tích, dân số, khối lượng công việc tư pháp, hộ tịch của địa phương, Chính phủ quy định việc bố trí công chức tư pháp - hộ tịch đảm nhiệm công tác hộ tịch chuyên trách.

- Công chức làm công tác hộ tịch tại Phòng Tư pháp phải có trình độ cử nhân luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

- Viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức làm công tác hộ tịch

- Trong lĩnh vực hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - + Tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về hộ tịch;
 - + Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã và pháp luật về việc đăng ký hộ tịch;
 - + Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;
 - + Giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký hộ tịch kịp thời, chính xác, khách quan, trung thực; cập nhật đầy đủ các sự kiện hộ tịch đã được đăng ký vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;

+ Chủ động kiểm tra, rà soát để đăng ký kịp thời việc sinh, tử phát sinh trên địa bàn.

Đối với địa bàn dân cư không tập trung, điều kiện đi lại khó khăn, cách xa trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã cho tổ chức đăng ký lưu động đối với việc khai sinh, kết hôn, khai tử;

+ Thường xuyên trau dồi kiến thức pháp luật để nâng cao năng lực và nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan tư pháp cấp trên tổ chức;

+ Chủ động báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với cơ quan, tổ chức kiểm tra, xác minh về thông tin hộ tịch; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để xác minh khi đăng ký hộ tịch; phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp cung cấp thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với công chức làm công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp, viên chức ngoại giao, lãnh sự làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Những việc công chức làm công tác hộ tịch không được làm

- Cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà, nhận hối lộ khi đăng ký, quản lý hộ tịch.

- Thu lệ phí hộ tịch cao hơn mức quy định hoặc đặt ra các khoản thu khi đăng ký hộ tịch.

- Đặt ra thủ tục, giấy tờ, cố ý kéo dài thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch trái quy định của Luật này.

- Tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

- Đăng ký, cấp giấy tờ về hộ tịch trái quy định của Luật này.

- Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật cá nhân mà biết được qua đăng ký hộ tịch.

- Công chức làm công tác hộ tịch vi phạm các quy định tại Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm hộ tịch; các nguyên tắc về hộ tịch

2. Các hành vi nghiêm cấm về Hộ tịch

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức làm công tác hộ tịch

3. Những việc công chức làm công tác hộ tịch không được làm

Chương II: Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã

I. KHÁI NIỆM CÁC GIẤY TỜ HỘ TỊCH VÀ NGHIỆP VỤ HỘ TỊCH

1. Sổ Hộ tịch

- *Sổ hộ tịch* là sổ giấy được lập và lưu giữ tại cơ quan đăng ký hộ tịch để xác nhận hoặc ghi các sự kiện hộ tịch quy định tại Điều 3 của Luật Hộ tịch.

2. Giấy khai sinh

- *Giấy khai sinh* là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân khi được đăng ký khai sinh; nội dung Giấy khai sinh bao gồm các thông tin cơ bản về cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hộ tịch.

3. Giấy chứng nhận kết hôn

- *Giấy chứng nhận kết hôn* là văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho hai bên nam, nữ khi đăng ký kết hôn; nội dung Giấy chứng nhận kết hôn bao gồm các thông tin cơ bản quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này

4. Trích lục hộ tịch

- Trích lục hộ tịch là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nhằm chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân đã đăng ký tại cơ quan đăng ký hộ tịch.

5. Xác nhận vào sổ hộ tịch

- Là xác nhận các sự kiện hộ tịch sau: Khai sinh; Kết hôn; Giám hộ; Nhận cha, mẹ, con; Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch; Khai tử.

6. Ghi vào sổ hộ tịch

- Là việc ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

II. ĐĂNG KÝ KHAI SINH

1. Thẩm quyền

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh.

2. Thời hạn và trách nhiệm

- Thời hạn: 60 ngày kể từ ngày sinh con.

- Trách nhiệm:

+ Cha, mẹ, ông, bà hoặc những người thân thích khác.

+ Cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em.

+ Công chức Tư pháp - hộ tịch.

3. Nội dung

Nội dung đăng ký khai sinh gồm:

- Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch;

- Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú;

- Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

4. Thủ tục

- Người đi đăng ký khai sinh nộp:

+ Tờ khai;

+ Giấy chứng sinh;

- Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo vào Sổ hộ tịch;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

5. Đăng ký khai sinh trong một số trường hợp đặc biệt

a. Đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi

- Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 7 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi;

- Tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ khi hết thời hạn niêm yết.

- Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch.

b. Đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ

- Thẩm quyền: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư

- Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện như quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Nghị 123.

c. Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ

- Người yêu cầu đăng ký khai sinh nộp giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch và văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.
- Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Hộ tịch;
- Nội dung đăng ký khai sinh được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định 123.

6. Đăng ký khai sinh lưu động

a. Các trường hợp đăng ký khai sinh lưu động

- Các trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử lưu động gồm:
 - + Trường hợp trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh, cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không có điều kiện đi đăng ký khai sinh cho trẻ.

b. Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động

- *Thẩm quyền:* Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ;
- *Địa điểm:* tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động.
- *Thời hạn:*
 - + Trong thời hạn 02 ngày làm việc.
 - + Trong thời hạn 05 ngày theo quy định, công chức tư pháp - hộ tịch đem theo giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch để trả kết quả cho người có yêu cầu.

III. ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

1. Thẩm quyền và nội dung Giấy chứng nhận kết hôn

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn.
- Giấy chứng nhận kết hôn phải có các thông tin sau đây:
 - + Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; thông tin về giấy tờ chứng minh nhân thân của hai bên nam, nữ;
 - + Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn;
 - + Chữ ký hoặc điểm chỉ của hai bên nam, nữ và xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch.

2. Thủ tục

- Hai bên nam, nữ nộp tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu quy định;
- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

3. Đăng ký kết hôn lưu động

- Thẩm quyền: Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ;
- Thời hạn trả kết quả đăng ký kết hôn lưu động không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

IV. ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ

1. Thẩm quyền đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ thực hiện đăng ký giám hộ.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ

2. Thủ tục đăng ký giám hộ cũ

- Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ hộ tịch và cùng

người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ hộ tịch, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

3. Đăng ký giám hộ đương nhiên

- Người yêu cầu đăng ký giám hộ nộp tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu quy định và giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.

- Trình tự đăng ký giám hộ đương nhiên được thực hiện theo quy định của đăng ký giám hộ cử

4. Đăng ký việc thay đổi, chấm dứt giám hộ

- Người yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp:

+ Tờ khai

+ Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định;

- Thời hạn: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.

5. Đăng ký thay đổi giám hộ

Trường hợp yêu cầu thay đổi người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự và có người khác đủ điều kiện nhận làm giám hộ, thì các bên làm thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ trước đó và đăng ký giám hộ mới theo quy định tại Mục này.

V. ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON

1. Thẩm quyền

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con thực hiện đăng ký nhận cha, mẹ, con.

2. Thủ tục

- Người yêu cầu nộp

+ Tờ khai;

+ Chứng cứ chứng minh quan hệ cha con hoặc mẹ con cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Thời hạn 03 ngày làm việc.

VI. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG HỘ TỊCH

1. Phạm vi

- Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký.

- Thay đổi thông tin về cha, mẹ trong nội dung khai sinh đã đăng ký.

2. Thẩm quyền

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

3. Thủ tục đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch

- Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.

- Thời hạn: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

- Công chức tư pháp – hộ tịch ghi vào sổ hộ tịch và cùng người yêu cầu ký vào sổ hộ tịch và báo cáo với Chủ tịch UBND cấp xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trích lục cho người yêu cầu.

4. Thủ tục bổ sung hộ tịch

- Người yêu cầu bổ sung hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch.